

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC  
NĂM 2008**

**I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Những sự kiện quan trọng:**

- Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tiền thân là Nhà Máy Sửa Chữa Cơ Điện - là một doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Công ty Điện lực 2 được thành lập từ năm 1976. Năm 1995 đổi tên thành Nhà Máy Cơ Điện. Đến tháng 6/1999, tách khỏi Công Ty Điện Lực 2 và trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 31/1999/QĐ-BCN ngày 03/06/1999 của Bộ Công nghiệp Việt Nam, và đổi tên thành Công ty Cơ điện Thủ Đức.

- Theo Quyết định số 337/QĐ-BCN, ngày 26/01/2007 của Bộ Công nghiệp; Quyết định số 1092/QĐ-BCT ngày 15/10/2007 của Bộ Công Thương Công Ty Cơ Điện Thủ Đức được duyệt phương án cổ phần hoá chuyển doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần.

- Sau khi tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, ngày 02/01/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công Ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần, trong đó Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam giữ cổ phần chi phối.

**2. Quá trình phát triển: -**

**+ Ngành nghề kinh doanh:**

Chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại; Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV; Kinh doanh và XNK máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện. Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel; Xây lắp công trình điện công nghiệp và dân dụng đến cấp điện áp 220KV; Kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa. Kinh doanh khách sạn; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi; Sản xuất cáp điện, dây điện từ các loại; Khai thác, xây dựng công trình nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Kinh doanh bất động sản...

**+ Tình hình hoạt động:**

• Trong năm 2008, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được kết quả khá tốt, chất lượng sản phẩm được nâng cao, tỷ lệ hư hỏng giảm xuống mức dưới 1%.

• Đảm bảo tiến độ giao hàng của các hợp đồng lớn quan trọng và đảm bảo đúng các yêu cầu về kỹ thuật.

- Công tác hậu mãi cũng đã có những bước cải tiến đáng kể, phục vụ kịp thời các khách hàng truyền thống trong và ngoài Ngành như: Công Ty Điện Lực 2, Cty ĐLTP.HCM, Đồng Nai và các Điện lực phía Nam, Hà Nội, các Công Ty TNHH xây lắp, xây dựng Điện tại các địa phương...

- Công ty chủ trương thực hiện chính sách đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất kinh doanh các mặt hàng cơ khí - thiết bị điện khác như: gia công tủ bảng điện, nhận bảo trì, bảo hành các thiết bị điện cho các tập đoàn, công ty lớn trên thế giới có sản phẩm được tiêu dùng tại Việt Nam, tiến tới nhận lắp ráp, chế tạo từng phần.

- Năm 2008, Công Ty đã chú trọng đầu tư vào lĩnh vực chế tạo, gia công thiết bị cơ khí cho các Nhà Máy Thủy điện, nhiệt điện trong và ngoài Ngành .

### **3. Định hướng phát triển**

- Hoạt động chế tạo và sửa chữa máy biến áp tiếp tục được xác định là mặt hàng chủ lực, truyền thống của Công ty, dự kiến sẽ chiếm tỷ lệ lớn trong tổng doanh thu trong những năm sau khi cổ phần .

- Ngoài ra, Công ty chủ trương thực hiện chính sách đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất kinh doanh các mặt hàng cơ khí - thiết bị điện khác như: gia công tủ bảng điện, nhận bảo trì, bảo hành các thiết bị điện cho các tập đoàn, công ty lớn trên thế giới có sản phẩm được tiêu dùng tại Việt Nam, tiến tới nhận lắp ráp, chế tạo từng phần.

- Đầu tư vào lĩnh vực chế tạo, gia công thiết bị cơ khí cho các Nhà Máy Thủy điện, nhiệt điện trong và ngoài Ngành. Xây dựng khai thác, vận hành các Nhà máy thủy điện nhỏ nhằm đa dạng hóa ngành nghề, tạo lợi nhuận cho Công ty.

- Đối với ngành nghề truyền thống là lắp đặt, sửa chữa máy phát điện diesel, đây là sản phẩm mà Công ty có nhiều lợi thế do có đội ngũ cán bộ – công nhân lành nghề, có kinh nghiệm, uy tín... Công ty sẽ tiếp tục duy trì, đẩy mạnh công tác tiếp thị, đưa vào kinh doanh sản phẩm có thế mạnh truyền thống này để tăng thêm lợi nhuận, tiến đến nhận xây lắp toàn bộ nhà máy điện từ khâu thiết kế, lắp đặt máy, trạm điện...

- Sẽ đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh: phát triển mạnh thêm lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ điện, điện tử; đầu tư vào lĩnh vực khách sạn du lịch theo hình thức liên doanh với đơn vị khác trong và ngoài Ngành.

- Có kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất trên khu đất 50 ha tại khu công nghiệp Phước Bình, Long Thành, tỉnh Đồng Nai (sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy chế Khu Công Nghiệp).Sau khi được cấp phép hoạt động, ngoài việc mở rộng một số loại hình sản xuất về sản xuất cơ khí, Công Ty sẽ chuẩn bị xây dựng cơ sở hạ tầng tại đây để thực hiện công tác liên kết, liên doanh với các đơn vị trong, ngoài nước (hoặc cho thuê lại một phần mặt bằng, khi được phép) hình thành nên một "khu công nghiệp nhỏ" với nhiều vệ tinh, ngành nghề liên quan đến việc đẩy mạnh phát triển hoạt động cơ khí - điện lực của Công Ty nói riêng và Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam.

- Có kế hoạch tận dụng số tiền đền bù quyền sử dụng đất (khi giải toả toà nhà số 8, Hàm Tử, Quận 5,TP.HCM) số tiền hơn 3,9 tỷ đồng để đầu tư, mở rộng và nâng cấp Nhà Xưởng hiện tại của công ty tại Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH CÔNG TY**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:**

- Qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008, tổng doanh thu về bán hàng, hoạt động tài chính và thu nhập khác là hơn 342 tỷ đồng (tăng hơn 27% so với cùng kỳ năm trước).

					TP.HCM	gian đào tạo : 5 năm
2	Lê Đình Kiệt	Phó Giám đốc phụ trách	05/3/1964	021386128; TP.HCM; 14/12/2007.	12 đường 4, KP2, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP.HCM	Kỹ sư Điện; Nơi đào tạo: Đại học Bách khoa TP.HCM ; Thời gian đào tạo : 5 năm
2	Nguyễn Trí Ân	Phó Giám đốc	21/12/1955	020169514; TP.HCM; 19/7/2005.	107/10B Ngô Đức Kể, P.12, Q.BT, TP.HCM	Kỹ sư Cơ Khí chế tạo máy; Nơi đào tạo: Đại học Bách khoa TP.HCM ; Thời gian đào tạo : 5 năm

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc: thực hiện theo quy chế lương thưởng ( được nhất trí thông qua Hội nghị người lao động ) và Điều lệ của Công Ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức .

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ Tổng số lao động đến thời điểm 31/12/2008 là 550 người

+ Công tác tiền lương: Hiện tại, Công ty vẫn vận dụng việc xếp lương theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ để áp dụng tính trả lương cho người lao động trong Công ty theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của mỗi thành viên trong Công ty (thực hiện chế độ trả lương khoán sản phẩm theo quy chế phân phối lương của Công ty, theo ủy quyền phân cấp của Tập Đoàn Điện lực Việt Nam cho người đại diện phần vốn Nhà nước đối với các Công ty cổ phần do EVN giữ phần chi phối). Tiền lương bình quân của người lao động Công ty trong năm 2008 là 3.950.000 đồng /người/tháng.

• Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng : *do mới chuyển sang cổ phần từ đầu năm 2008 nên đến thời điểm báo cáo, đơn vị chưa có sự thay đổi các thành viên trong HĐQT, BKS, Ban Giám Đốc, Kế toán trưởng.*

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát, thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty:

+ Hội Đồng Quản trị:

- Ông: Võ Văn Biên – Chủ tịch
- Ông: Lê Đình Kiệt – ủy viên
- Ông: Nguyễn Đình Phương - ủy viên (P.Ban KTSX/ Tập Đoàn EVN)
- Ông: Nguyễn Minh Quang - ủy viên
- Ông: Nguyễn Kim Thanh - ủy viên

+ Ban Kiểm soát:

- Bà: Trần Thị Cẩm Hồng -Trưởng Ban
- Ông: Lê Minh Hải – Thành viên
- Bà: Nguyễn Ngọc Dung – Thành viên (Giảng viên trường ĐHKT TP.HCM)

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên : thực hiện theo quy định nêu trong Điều lệ Công Ty CP Cơ Điện Thủ Đức .

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành : không có

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên : thực hiện theo quy định trong Điều lệ Công Ty CP Cơ Điện Thủ Đức

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty : Rà soát các quy chế về quản lý tài chính và công tác quản trị Công Ty; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các thành viên trong Ban kiểm soát

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên : trong năm 2008, tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 97.200.000 đồng và được thanh toán các chi phí công tác theo quy định như: tiền tàu xe, vé máy bay, tiền ăn khi đi công tác...khi thực hiện nhiệm vụ hoặc hội họp theo định kỳ.

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty : 03 người

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên

- Ông: Võ Văn Biên: nắm giữ 2.202.600 cổ phần, chiếm 31,92 %
- Ông: Lê Đình Kiệt: nắm giữ 1.037.000 cổ phần, chiếm 15,02%
- Ông: Nguyễn Đình Phương: nắm giữ 1.035.000 cổ phần, chiếm 15,0%
- Ông Nguyễn Kim Thanh : nắm giữ 8.100 cổ phần , chiếm 0,117 %
- Ông Nguyễn Minh Quang : nắm giữ 5.200 cổ phần, chiếm 0,075 %

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : *không có giao dịch chuyển nhượng.*

## 2. Các dữ liệu thống kê chung về cổ đông/thành viên góp vốn

Tên cổ đông	Cơ cấu vốn điều lệ (Triệu đồng)	Số vốn đã góp đến cuối kỳ báo cáo	Tỷ lệ cam kết góp vốn (%)
+ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	42.158	42.158	61,10
+ Các cổ đông thể nhân khác: NLD trong công ty, cổ đông ngoài.	26.842	26.842	38,90
<b>Tổng cộng</b>			<b>100,00</b>

### 2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước ( như bảng kê ở điểm 2, nêu trên )

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp. ( xem file danh sách chi tiết cổ đông của Công Ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đến ngày 31.12.2008, đính kèm )

### 2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : ( không có )

## Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)*

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>213,663,395,575</b>	<b>256,705,972,156</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6,384,198,100	12,934,025,144
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	82,274,295,926	98,396,501,467
4	Hàng tồn kho	117,845,709,826	132,608,837,573
5	Tài sản ngắn hạn khác	7,159,191,723	12,766,607,972
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>30,487,566,984</b>	<b>40,432,820,845</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	30,151,039,067	37,448,089,310
	- Tài sản cố định hữu hình	26,795,002,420	26,178,944,177
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3,356,036,647	11,269,145,133
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	300,000,000	2,900,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	36,527,917	84,731,535
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>244,150,962,559</b>	<b>297,138,793,001</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>174,188,916,825</b>	<b>221,446,509,311</b>
1	Nợ ngắn hạn	174,071,591,870	221,178,622,245
2	Nợ dài hạn	117,324,955	267,887,066
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>69,962,045,734</b>	<b>75,692,283,790</b>
1	Vốn chủ sở hữu	70,006,015,669	75,785,124,625
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	62,664,342,161	62,664,342,161
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	(236,791,388)	(236,791,388)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	81,235,496	4,424,883,452
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	7,497,229,400	8,932,690,400
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	(43,969,935)	(92,840,835)
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(43,969,935)	(92,840,835)
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>244,150,962,559</b>	<b>297,138,793,101</b>



**II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)*

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	269,125,184,719	342,631,271,006
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	269,125,184,719	342,631,271,006
4	Giá vốn hàng bán	245,271,341,383	287,829,303,651
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23,853,843,336	54,801,967,355
6	Doanh thu hoạt động tài chính	504,023,659	1,545,425,532
7	Chi phí tài chính	10,206,389,445	19,901,728,047
8	Chi phí bán hàng	6,237,307,404	13,602,801,018
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7,593,322,488	15,371,291,411
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	320,847,658	7,471,572,411
11	Thu nhập khác	2,794,503,169	1,203,580,243
12	Chi phí khác	2,121,034,199	2,561,279,276
13	Lợi nhuận khác	673,468,970	(1,357,699,033)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	994,316,628	6,113,873,378
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	913,081,132	1,770,225,422
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81,235,496	4,343,647,956
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12	630
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		550

#### V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	<b>Cơ cấu tài sản</b> - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	12.487 87.513	13.607 86.393
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b> - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71.345 28.655	74.526 25.474
3	<b>Khả năng thanh toán</b> - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0.037 1.227	0.058 1.161
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b> - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	0.033 0.033 0.117	1.605 1.420 5.964

Ngày 08 tháng 4 năm 2009

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*(Signature)*  
VO VĂN BIÊN